

GATE 2019
CSE

Q.No.	Type	Section	Key/Range	Marks
1	MCQ	GA	C	1
2	MCQ	GA	A	1
3	MCQ	GA	B	1
4	MCQ	GA	C	1
5	MCQ	GA	D	1
6	MCQ	GA	B	2
7	MCQ	GA	C	2
8	MCQ	GA	B	2
9	MCQ	GA	C	2
10	MCQ	GA	D	2
1	MCQ	CS	D	1
2	MCQ	CS	A	1
3	MCQ	CS	D	1
4	MCQ	CS	C	1
5	MCQ	CS	C	1
6	MCQ	CS	B	1
7	MCQ	CS	B	1
8	MCQ	CS	C	1
9	MCQ	CS	D	1
10	MCQ	CS	B	1
11	MCQ	CS	C	1
12	MCQ	CS	D	1
13	MCQ	CS	C	1

Q.No.	Type	Section	Key/Range	Marks
14	MCQ	CS	B	1
15	MCQ	CS	D	1
16	MCQ	CS	B	1
17	NAT	CS	31 to 31	1
18	NAT	CS	26 to 26	1
19	NAT	CS	31 to 31	1
20	NAT	CS	0.08 to 0.08	1
21	NAT	CS	2 to 2	1
22	NAT	CS	0.502 to 0.504	1
23	NAT	CS	80 to 80	1
24	NAT	CS	6 to 6	1
25	NAT	CS	29 to 29	1
26	MCQ	CS	D	2
27	MCQ	CS	B	2
28	MCQ	CS	C	2
29	MCQ	CS	C	2
30	MCQ	CS	A	2
31	MCQ	CS	C	2
32	MCQ	CS	C	2
33	MCQ	CS	B	2
34	MCQ	CS	B	2
35	MCQ	CS	C	2
36	MCQ	CS	A	2

Q.No.	Type	Section	Key/Range	Marks
37	MCQ	CS	C	2
38	MCQ	CS	C	2
39	MCQ	CS	A	2
40	MCQ	CS	A	2
41	NAT	CS	2 to 2	2
42	NAT	CS	4.0 to 4.1	2
43	NAT	CS	5 to 5	2
44	NAT	CS	12 to 12	2
45	NAT	CS	160 to 160	2
46	NAT	CS	4.25 to 4.25	2
47	NAT	CS	0.8 to 0.8	2
48	NAT	CS	120 to 120	2
49	NAT	CS	3 to 3	2
50	NAT	CS	4 to 4	2
51	NAT	CS	5 to 5	2
52	NAT	CS	5 to 5	2
53	NAT	CS	10 to 10	2
54	NAT	CS	97 to 97	2
55	NAT	CS	1 to 1	2